

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/KDTM-PT
Ngày 26-03-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trí Dũng

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thắm

Ông Nguyễn Trung Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Phương Hợp – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Giàu – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 01/2025/TLPT-KDTM ngày 08 tháng 01 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 46/2024/KDTM-ST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐPT-KDTM ngày 14 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2024/QĐ-PT ngày 07 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP N (VCB); địa chỉ trụ sở chính: số A T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội, Việt Nam; địa chỉ trụ sở chi nhánh: số B, đường L, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Thành Đ; chức vụ: Phó phòng Khách hàng - Ngân hàng TMCP N Chi nhánh Đ1, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Ông Lê Trường P; chức vụ: Phó phòng Khách hàng - Ngân hàng TMCP N Chi nhánh Đ1, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Là người đại diện theo uỷ quyền – Văn bản uỷ quyền số 462/UQ-ĐBD-HCNQ ngày 18/6/2024

- *Bị đơn*: Công ty Cổ phần T1; địa chỉ: số 1 đường L, Khu phố A, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Đinh Thị Kim D, sinh năm 1987, địa chỉ: khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương – là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền số 01-2024/GUQ-THP ngày 18/7/2024), có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Công ty TNHH T1, địa chỉ: số C N, khu phố G, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH T1: Bà Đinh Thị Kim D, sinh năm 1987, địa chỉ: khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương – là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền số 10-2024/GUQ-HHP ngày 18/7/2024), có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: bị đơn Công ty Cổ phần T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

** Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N (V) trình bày:*

Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Đ1 (sau đây gọi là Ngân hàng V1 - Chi nhánh Đ1) đã cấp tín dụng cho Công ty Cổ phần T1 (sau đây gọi là Công ty T1) dưới hình thức cho vay theo hạn mức theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 005B23 ngày 08/02/2023, chi tiết như sau: Hạn mức cho vay: 25.000.000.000 đồng, thời hạn vay: 5 tháng/từng lần nhận nợ, mục đích vay: Tài trợ các nhu cầu ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty T1 nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định.

Số tiền nợ của Công ty T1 tính đến thời điểm 07/06/2024 là 25.289.692.128 đồng, trong đó: nợ gốc: 24.998.604.040 đồng, nợ lãi trong hạn: 44.515.346 đồng, nợ lãi quá hạn: 46.572.742 đồng.

Biện pháp bảo đảm: Công ty TNHH T1 và Ngân hàng ký Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 005TT23 ngày 08/02/2023 để đảm bảo cho Công ty T1 vay. Hợp đồng thế chấp được đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng ký đất đai Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B ngày 13/02/2023. Tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1383, tờ bản đồ số 21 tại địa chỉ phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 621751, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CT15474 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 07/09/2016.

Tính đến hết ngày 07/06/2024, tổng dư nợ của Công ty T1 tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) tại VCB Chi nhánh Đ1 là 25.289.692.128 đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 24.998.604.040 đồng;

- Nợ lãi trong hạn: 244.515.346 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 46.572.742 đồng;

VCB Chi nhánh Đ1 đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu Công ty T1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 005B23 ngày 08/02/2023, yêu cầu Công ty TNHH T1 thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 005TT23 ngày 08/02/2023. Tuy nhiên, tính đến nay, Công ty T1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho VCB, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với VCB, cố tình không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không phối hợp xử lý tài sản bảo đảm làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của VCB gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn của Nhà nước và quá trình xử lý, thu hồi nợ của VCB.

Căn cứ các nội dung nêu trên, VCB thông qua VCB Chi nhánh Đ1 yêu cầu Tòa án tuyên buộc như sau:

1. Tuyên buộc Công ty Cổ phần T1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho VCB toàn bộ số tiền tạm tính (do nợ lãi và phí vẫn tiếp tục phát sinh) đến hết ngày 07/06/2024 là: 25.289.692.128 đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 24.998.604.040 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 244.515.346 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 46.572.742 đồng;

2. Tuyên buộc Công ty Cổ phần T1 phải tiếp tục trả lãi và phí phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 005B23 ngày 08/02/2023, kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án/quyết định cho đến ngày thực tế Công ty Cổ phần T1 trả hết nợ gốc cho VCB.

3. Tuyên nếu Công ty Cổ phần T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì VCB thông qua VCB Chi nhánh Đ1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của Công ty TNHH T1 theo (các) hợp đồng bảo đảm số 005TT23 ngày 08/02/2023 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

4. T nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho VCB thì VCB thông qua VCB Chi nhánh Đ1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty Cổ phần T1 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

** Tại phiên hoà giải sơ thẩm, đại diện theo uỷ quyền của bị đơn Công ty Cổ phần T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH T1 trình bày:*

Công ty Cổ phần T1 xác định có ký kết hợp đồng tín dụng theo nội dung trình bày như trên của Ngân hàng TMCP N. Tuy nhiên, do khó khăn về nguồn tiền nên đã chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Nay Ngân hàng TMCP N khởi kiện yêu cầu thanh toán thì phía Công ty Cổ phần T1 đề nghị cho gia hạn thời gian thanh toán khoảng 03 tháng để có phương án thanh toán nợ phù hợp.

Tại Bản án sơ thẩm số 46/2024/KDTM-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N đối với bị đơn Công ty Cổ phần T1 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

1.1 Buộc Công ty Cổ phần T1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP N tổng số tiền tạm tính đến ngày 07/06/2024 là: 25.289.692.128 đồng (Hai mươi lăm tỷ, hai trăm tám mươi chín triệu, sáu trăm chín mươi hai nghìn, một trăm hai mươi tám đồng), trong đó: nợ gốc: 24.998.604.040 đồng; nợ lãi trong hạn: 244.515.346 đồng; nợ lãi quá hạn: 46.572.742 đồng.

Kể từ ngày 08/6/2024, Công ty Cổ phần T1 còn phải tiếp tục trả lãi trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả xong nợ.

1.2. Trường hợp Công ty Cổ phần T1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền trên thì Ngân hàng TMCP N được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý phát mãi tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1383, tờ bản đồ số 21 tại địa chỉ V, T, Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 621751, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận CT15474 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 07/09/2016, để thu hồi nợ.

1.3. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP N thì Công ty Cổ phần T1 có trách nhiệm tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng TMCP N cho đến khi thanh toán hết số nợ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo, kháng nghị.

Ngày 08/11/2024, bị đơn Công ty Cổ phần T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện ủy quyền của bị đơn, người đại diện ủy quyền của nguyên đơn và người đại diện ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có yêu cầu xét xử vắng mặt, không cung cấp thêm ý kiến trình bày.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Bị đơn Công ty T1 thừa nhận số nợ, vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Tòa án nhân dân thành phố T tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng

minh cho kháng cáo nên không có cơ sở chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện ủy quyền của bị đơn Công ty T1 và người đại diện ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH T1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[2] Bị đơn Công ty T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không nêu cụ thể lý do kháng cáo. Đồng thời, ngày 14/3/2025, đại diện bị đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và không cung cấp thêm ý kiến trình bày, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo.

Xét thấy, bị đơn Công ty T1 thừa nhận việc ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 005B23 ngày 08/02/2023 để vay tiền VCB. Sau khi vay, bị đơn không thanh toán đầy đủ số nợ. Tính đến hết ngày 07/06/2024, Công ty T1 còn nợ là 25.289.692.128 đồng, trong đó: nợ gốc là 24.998.604.040 đồng, nợ lãi trong hạn là 244.515.346 đồng, nợ lãi quá hạn là 46.572.742 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn VCB yêu cầu Công ty T1 phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi theo thoả thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký là phù hợp. Bị đơn kháng cáo không chấp nhận trả nợ là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Đối với xử lý tài sản thế chấp:

Theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 005TT23 ký ngày 08/02/2023, Công ty TNHH T1 thế chấp tài sản để bảo đảm cho khoản vay của Công ty T1 tại V như sau: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1383, tờ bản đồ số 21 tại địa chỉ V, T, Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 621751, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CT15474 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 07/09/2016. Hợp đồng đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng theo quy định pháp luật.

Vì vậy, VCB yêu cầu trong trường hợp Công ty T1 không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ vay thì VCB được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản để thu hồi nợ là có căn cứ. Công ty TNHH T1 cũng không kháng cáo liên quan đến tài sản thế chấp.

[4] Từ những cơ sở nhận định nêu trên, xét kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308, 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần T1.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2024/KDTM-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương như sau:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N đối với bị đơn Công ty Cổ phần T1 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

- Buộc Công ty Cổ phần T1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP N tổng số tiền tạm tính đến ngày 07/06/2024 là: 25.289.692.128 đồng (Hai mươi lăm tỷ, hai trăm tám mươi chín triệu, sáu trăm chín mươi hai nghìn, một trăm hai mươi tám đồng), trong đó: nợ gốc: 24.998.604.040 đồng; nợ lãi trong hạn: 244.515.346 đồng; nợ lãi quá hạn: 46.572.742 đồng.

Kể từ ngày 08/6/2024, Công ty Cổ phần T1 còn phải tiếp tục trả lãi trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả xong nợ.

- Trường hợp Công ty Cổ phần T1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền trên thì Ngân hàng TMCP N được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý phát mãi tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1383, tờ bản đồ số 21 tại địa chỉ V, T, Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 621751, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CT15474 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 07/09/2016, để thu hồi nợ.

- Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP N thì Công ty Cổ phần T1 có trách nhiệm tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng TMCP N cho đến khi thanh toán hết số nợ.

2.2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và chi phí thẩm định tài sản:

- Về án phí: Công ty Cổ phần T1 phải chịu 133.290.000 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng).

Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố T hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền 66.645.000 đồng (sáu mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp (do ông Nguyễn Phan Hữu L nộp thay) theo Biên lai thu số 0002065 ngày 05/7/2024.

- Về chi phí thẩm định tài sản: Công ty Cổ phần T1 phải nộp 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N đã tạm nộp.

3. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty Cổ phần T1 phải chịu 2.000.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000 (hai triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003496 ngày 12/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, VT(1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Trí Dũng